

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2021/HS-ST

Ngày: 09/11/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P – TỈNH GIA LAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Tố Uyên – Thẩm phán.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Bắc, ông Quách Đình Hoàng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Lệ Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 144/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **DTT** (tên gọi khác: Không), Sinh năm 1998 tại Gia Lai.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 5, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai;  
Chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn 3, xã BH, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm nông.

Cha: DVH - Sinh năm 1975; Mẹ: NTG - Sinh năm 1978.

Cha mẹ của bị cáo hiện trú tại: Thôn 05, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Gia đình bị cáo có 2 anh, em ruột, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình.

Chồng: TTP - Sinh năm 1995. Bị cáo có 02 con (cùng sinh ngày 07 tháng 6 năm 2018). Hiện trú tại Thôn 06, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo DTT bị bắt tạm giam từ ngày 19/6/2021 và bị tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

***Những người tham gia tố tụng khác:***

***\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị PTHT, sinh năm: 1992. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. Chị LTV, sinh năm: 1996, (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Anh NCT, sinh năm: 1999, (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã TS, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

4. Anh LPT, sinh năm: 2003. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, phường ĐĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

5. Chị PTT, sinh năm: 1979, (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã BH, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

\* *Người chứng kiến:*

- Anh NNT; địa chỉ: Thôn 4, xã BH, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

DTT có sử dụng ma túy. Thông qua các mối quan hệ xã hội, T quen biết và có số điện thoại của một người phụ nữ tên T (không rõ nhân thân, lai lịch). Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 01/6/2021, T gọi điện thoại cho T nhờ mua ma túy dạng Khay với số tiền 1.500.000 đồng, T đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, có một thanh niên (không rõ họ tên nhân thân, lai lịch) đi đến để 01 gói thuốc lá (không rõ nhãn hiệu) trước cửa phòng trọ của T tại phòng trọ số 02, dãy nhà trọ số 243 đường TĐT, Thôn 3, xã BH, thành phố P, gọi T ra lấy rồi người thanh niên bỏ đi và T chưa trả tiền mua ma túy. T ra lấy gói thuốc này đem vào phòng kiểm tra thì thấy bên trong có 02 gói nilon có chứa ma túy dạng Khay nên T cất giấu dưới nệm trong phòng với mục đích để sử dụng. Tại phòng trọ, T đã lấy một ít ma túy trong số ma túy đã mua ra sử dụng; số còn lại, T cất dưới nệm. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố P tiến hành kiểm tra tại phòng trọ số 02, dãy nhà trọ số 243 đường Tôn Đức Thắng, Thôn 3, xã BH, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thì phát hiện bắt quả tang đối với DTT; thu giữ dưới nệm trong phòng 02 gói nilon bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (đã tiến hành niêm phong theo quy định). Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Nokia Lumia 930 màu đen, kèm sim số, có dãy số 8984 04800 0052109395.

Tại Kết luận giám định số 401/KLGD ngày 10/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai kết luận: “02 gói nilon trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 1,2171 gam”.

Tại bản cáo trạng số 150/CT-VKS ngày 04/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo DTT về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo DTT phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng: Điểm g Khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Đề nghị HĐXX: xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (năm) 06 (sáu) tháng tù;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

Căn cứ: Khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ: 01 điện thoại di động hiệu Nokia Lumia 930 màu đen, kèm sim số, có dãy số 8984 04800 0052109395.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì công văn ghi số 401/PC09 ngày 10/6/2021, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai.

Đối với người phụ nữ tên T là người mà T khai đã mua giúp ma túy cho T và người thanh niên đem ma túy đến phòng trọ cho T; do T không biết được họ tên, lai lịch của đối tượng này. Do đó, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh và xử lý sau.

Đối với LTV, PTH, LPT và NCT có mặt tại phòng trọ khi T bị bắt. Tuy nhiên, việc T mua ma túy và cất giấu trong phòng thì những người này đều không biết nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với bà PTT (sinh năm 1979) là chủ nhà trọ - nơi bị cáo DTT thuê ở. Việc T mua ma túy mang về phòng trọ cất giấu và sử dụng thì bà Tươi không biết nên không có căn cứ để xử lý về hành vi không tố giác tội phạm hoặc hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo DTT phải chịu án phí hình sự theo luật định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo DTT khai nhận: Vào lúc 23 giờ 00 phút ngày 01/6/2021, tại phòng trọ số 02 dãy nhà trọ số 243 đường Tôn Đức Thắng, Thôn 3, xã BH, thành phố P, tỉnh Gia Lai, khi DTT đang tàng trữ 1,2171 gam chất ma túy (loại Ketamine) với mục đích để sử dụng thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố P phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng và chiếc điện thoại di động hiệu Nokia Lumia 930 màu đen, kèm sim số, có dãy số 8984 04800 0052109395 mà DTT đã dùng để liên lạc mua ma túy.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, lời khai người chứng kiến, tang vật thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp Kết luận giám định số: 401/KLGD ngày 10/6/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: “ 02 gói nilon trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 1,2171 gam”.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các loại chất ma túy, nghiêm cấm việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép. Tệ nạn ma túy là một hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây tác hại xấu cho sức khỏe của con người, làm suy thoái nòi giống dân tộc, làm băng hoại đạo đức và phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác nên Nhà nước có chính sách quản lý, kiểm soát chặt chẽ, nghiêm cấm việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép. Bị cáo là người đã thành niên, có đủ khả năng lao động, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức được tác hại của tệ nạn ma túy, nhưng vì nghiện, để thỏa mãn nhu cầu không lành mạnh của bản thân, bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi tàng trữ 1,2171 gam ma túy loại Ketamine . Do đó, hành vi của DTT đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy hành vi trên của các bị cáo đã cấu thành tội phạm và phải chịu chế tài của pháp luật hình sự.

Tuy nhiên HĐXX thấy cần xem xét cho bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

3. Đối với người phụ nữ tên T là người mà T khai đã mua giúp ma túy cho T và người thanh niên đem ma túy đến phòng trọ cho T; do T không biết được họ tên, lai lịch của đối tượng này. Do đó, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh và xử lý sau là phù hợp.

Đối với LTV, PTH, LPT và NCT có mặt tại phòng trọ khi T bị bắt. Tuy nhiên, việc T mua ma túy và cất giấu trong phòng thì những người này đều không

biết và đã xét nghiệm cho kết quả âm tính nên không xử lý những người này là phù hợp.

Đối với bà PTT (sinh năm 1979) là chủ nhà trọ - nơi bị cáo DTT thuê ở. Việc T mua ma túy mang về phòng trọ cất giấu và sử dụng thì bà Tươi không biết nên không có căn cứ để xử lý về hành vi không tố giác tội phạm hoặc hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

4. Vật chứng của vụ án:

- Tịch thu sung công quỹ: 01 điện thoại di động hiệu Nokia Lumia 930 màu đen, kèm sim số, có dãy số 8984 04800 0052109395.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì công văn ghi số 401/PC09 ngày 10/6/2021, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Tuyên bố bị cáo **DTT** phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Áp dụng: Điểm g Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Áp dụng: Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt: bị cáo DTT 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2021.

**2.** Áp dụng: khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu sung công quỹ: 01 điện thoại di động hiệu Nokia Lumia 930 màu đen, kèm sim số (đã qua sử dụng).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì công văn ghi số 401/PC09 ngày 10/6/2021, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai.

(Tất cả theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố P và Chi cục thi hành án dân sự thành phố P ngày (04/10/2021).

**3.** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo DTT phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**4.** Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/11/2021) bị cáo được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục THA dân sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký Trần Thị Tổ Uyên

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 16 giờ 00 ngày 09 tháng 11 năm 2020;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia lai.

**Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Tố Uyên

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Bắc, ông Quách Đình Hoàng.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 144/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2021 đối với:

Bị cáo DTT - Sinh năm 1995 tại Gia Lai.

*Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;*

*Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC  
VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

**1. Về tội danh:**

- Ý kiến của Hội thẩm 1:

Bị cáo DTT phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Ý kiến của Hội thẩm 2 và Chủ tọa phiên tòa nhất trí với ý kiến của Hội thẩm 1.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

**2. Về điều luật áp dụng ( điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự):**

- Ý kiến của Hội thẩm 1:

Áp dụng: Điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

- Ý kiến của Hội thẩm 2 và Chủ tọa phiên tòa nhất trí với ý kiến của Hội thẩm 1.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

**3. Mức hình phạt:**

- Ý kiến của Hội thẩm 2 Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội.

Xử phạt: bị cáo DTT 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày 13/6/2021.

Ý kiến của Hội thẩm 1 và Chủ tọa phiên tòa nhất trí với ý kiến của Hội thẩm 2.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

#### **4. Các vấn đề khác:**

- Ý kiến của Hội thẩm 2:

- Tịch thu sung công quỹ: 01 điện thoại di động hiệu Nokia Lumia 930 màu đen, kèm sim số, có dãy số 8984 04800 0052109395.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì công văn ghi số 401/PC09 ngày 10/6/2021, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai.

Buộc bị cáo DTT phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/11/2021) bị cáo được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Ý kiến của Hội thẩm 1 và Chủ tọa phiên tòa nhất trí với ý kiến của Hội thẩm 2.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 15 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**